

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng,
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 18/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của các ngành tại: Văn bản số 1924/SXD-QH ngày 30/03/2023 của Sở xây dựng; Văn bản số 1175/SNN&PTNT-KHTC ngày 20/03/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 1229/SGTVT-KHTC ngày 10/03/2023 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 1927/SVHTTDL-XDNSVHGD ngày 25/04/2023 của sở Văn hóa, thể thao – du lịch về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc điều chỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 156/BC-KTHT ngày 11/5/2023 (Kèm theo Văn bản 1924/SXD-QH ngày 30/03/2023 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Tờ trình số Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 11/5/2023 của UBND xã Hoàng Thắng kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới.

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hoàng Đạo, xã Hoàng Ngọc;
- + Phía Nam giáp xã Hoàng Lưu, xã Hoàng Thành;
- + Phía Tây giáp xã Hoàng Thái, xã Hoàng Đồng;
- + Phía Đông giáp xã Hoàng Ngọc; xã Hoàng Lưu.

1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: 602,24ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

2.1. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070; số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc điều chỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

2.2. Tính chất, chức năng của xã.

Theo quy hoạch vùng huyện Hoàng Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại dịch vụ.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động.

- Dân số hiện trạng: 8.685 người.
- Quy mô dân số dự báo giai đoạn 2020 – 2030, như sau:
 - + Đến năm 2025: khoảng 10.981 người
 - + Đến năm 2030: khoảng 13.541 người
- Quy mô lao động (ước tính 60% – 70% dân số), tương ứng:
 - + Lao động đến năm 2025: 6.808 người.
 - + Lao động đến năm 2030: 8.396 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.2.1. Về sử dụng đất:

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:
 - + Đất xây dựng nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ: $\geq 5\text{ m}^2/\text{người}$;
 - + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
 - + Đất cây xanh công cộng: $\geq 2\text{ m}^2/\text{người}$;

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

4. Phân khu chức năng.

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.
- Tổ chức các khu vực sản xuất.
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng

5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã.

5.1. Khu trung tâm xã

Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Nằm trên trục đường huyện ĐH.HH-16, tại thôn Gia Hòa, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,...kết hợp với một khu cây xanh.

5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

5.2.1. Khu công sở xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Gia Hòa, với diện tích khuôn viên 0,40ha, mở rộng với diện tích 0,15ha, diện tích sau mở rộng là 0,65ha

5.2.2. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã – Khu thể thao xã; Sân vận động xã.

a. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã: Giữ nguyên vị trí trong khuôn viên công sở xã tại thôn Gia Hòa.

b. Khu thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hải Phúc 1, với diện tích 0,64ha.

c. Sân vận động xã: Quy hoạch mới tại khu vực Đồng Cây Găng thôn Hồng Nhuệ 2 với diện tích 1,60ha.

5.2.3. Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Nhà văn hóa thôn Hồng Nhuệ 1: Quy hoạch mới tại khu vực Đồng Văn Chỉ thôn Hồng Nhuệ với diện tích 0,26ha.

- Nhà văn hóa thôn Hồng Nhuệ 2 : Giữ nguyên tại vị trí hiện tại. Diện tích khu đất: 0,42 ha.

- Nhà văn hóa thôn Gia Hòa: Giữ nguyên tại vị trí hiện tại. Diện tích khu đất: 0,19ha.

- Nhà văn hóa thôn Hải Phúc 1: Giữ nguyên tại vị trí hiện tại. Diện tích khu đất: 0,10ha.

- Nhà văn hóa thôn Hải Phúc 2: Quy hoạch mở mới với diện tích 0,28ha. Mật độ xây dựng 40%.

- Nhà văn hóa thôn Hoàng Trì 1: Giữ nguyên tại vị trí hiện tại. Diện tích khu đất: 0,11ha.

- Nhà văn hóa Hoàng Trì 2: Quy hoạch mở mới tại khu vực Đồng Đình Bắc thôn Hoàng Trì 2 với diện tích 0,25ha .

b. Khu thể thao thôn.

Trong kỳ quy hoạch tới, các thôn không quy hoạch khu thể thao thôn, sẽ sử dụng trong khuôn viên của các nhà văn hóa. Cần đầu tư các dụng cụ thể thao đơn giản về các bộ môn như bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, trang bị các trò chơi thiếu nhi và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi.

- Cơ cấu công trình sân thể thao:

+ Sân tập thể thao đơn giản: $\geq 250 m^2$

+ Phòng tập đơn giản: 24m x 12m

5.2.4. Công trình y tế: Giữ nguyên vị trí trạm y tế xã tại thôn Gia Hòa diện tích 0,29ha.

5.2.5. Công trình giáo dục.

a. Trường mầm non Hoàng Thắng: Giữ nguyên vị trí tại thôn Gia Hòa với diện tích khu đất: 0,96ha.

b. Trường tiểu học Hoàng Thắng: Giữ nguyên ở vị trí tại thôn Gia Hòa với diện tích khu đất 0,90ha, mở rộng với diện tích 0,70ha

c. Trường trung học cơ sở Hoàng Thắng: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hải Phúc 1 với diện tích 0,78ha, mở rộng 0,33ha, diện tích sau mở rộng là 1,11ha.

5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí hiện tại ở thôn Hải Phúc 2 với diện tích 0,03ha.

5.2.7. Đài tưởng niệm: Giữ nguyên vị trí trong khuôn viên công sở xã.

5.2.8. Trụ sở công an xã: Quy hoạch diện tích đất trụ sở công an 0,12ha trong khuôn viên trường Mầm Non tại thôn Gia Hòa.

5.2.9. Công trình quốc phòng:

- Ban chỉ huy quân sự xã: Quy hoạch ban chỉ huy quân sự xã tại khu vực Đồng Kênh thôn Gia Hòa với diện tích 0,12ha.

- Quy hoạch căn cứ chiến đấu BCH quân sự huyện tại khu vực Đồng Cồn Tênh, Mã Ô Lương thôn Hải Phúc 1 với diện tích 10,0ha.

5.2.10. Khu vui chơi giải trí công cộng – Cây xanh:

- Khu vui chơi giải trí công cộng thôn Hoàng Trì 1 với diện tích 0,06ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Hồng Nhuệ 2 với diện tích 0,61ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Gia Hòa với diện tích 0,27ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Gia Hòa với diện tích 0,30ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Gia Hòa với diện tích 0,36ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Hoàng Trì 2 với diện tích 0,18ha.

- Khu công viên – cây xanh thôn Hải Phúc 2 với diện tích 1,10ha.

5.2.11. HTX dịch vụ nông nghiệp: Quy hoạch mới tại khu vực Đồng Vườn Chuối thôn Gia Hòa với diện tích 0,05ha.

5.2.12. Chợ nông thôn.

+ Chợ Đền: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hải Phúc 1 với diện tích 0,24ha.

+ Quy hoạch mới chợ tại khu vực Đồng Kinh Kỳ thôn Hải Phúc 1, với diện tích 2,55ha.

5.2.13. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích, đình đền

- Quy hoạch Khôi phục - Mở rộng chùa Thiên Long: Quy hoạch tại khu vực thôn Hải Phúc 1 với diện tích 0,74ha.

- Chùa Hùng Vương: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hồng Nhuệ 1, quy hoạch mở rộng với diện tích 1,22ha, diện tích sau mở rộng là 1,27ha.

- Di tích Cồn Ba Cây: Giữ nguyên vị trí tại thôn Hồng Nhuệ 1 với diện tích 0,80ha.

5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 7 thôn: thôn Hồng Nhuệ 1, thôn Hồng Nhuệ 1, thôn Gia Hòa, thôn Hải Phúc 1, thôn Hải Phúc 2, thôn Hoàng Trì 1, thôn Hoàng Trì 2. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 54,41ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-85).

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 54,21ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-17).

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao.
- Định hướng phát triển rau màu an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tập trung với tổng diện tích 45,0ha tại các khu vực như sau:

+ Khu vực Đồng Bái Màu thôn Hồng Nhuệ 1, thôn Hồng Nhuệ 2 với diện tích 30,0ha.

+ Khu vực Bái Màu thôn Gia Hòa, thôn Hồng Nhuệ 2, thôn Hải Phúc, thôn Hoàng Trì với diện tích 15,0ha.

- Tiếp tục phát triển ngành thủy sản theo Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hoàng Hóa. Đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường nước, nuôi thả thủy sản theo các hình thức an toàn; tổ chức các lớp chuyển giao kỹ thuật nuôi và phòng bệnh cho tôm, cá; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế NTTS. Đồng thời, khuyến khích người dân mở rộng diện tích nuôi thủy sản chất lượng cao và bảo vệ môi trường. Xây dựng và áp dụng rộng rãi các mô hình NTTS công nghệ cao, phù hợp với điều kiện môi trường. Thực hiện đa dạng hóa đối tượng nuôi, mở rộng các liên kết trong NTTS nhằm nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

5.4.2. Khu vực xây dựng chức năng khác.

- Quy hoạch mới HTX dịch vụ nông nghiệp tại khu vực Đồng Vườn Chuối thôn Gia Hòa với diện tích 0,05ha.

- Khu thương mại dịch vụ Đồng Măng Dứa thôn Gia Hòa với diện tích 0,40ha.

- Khu thương mại dịch vụ Đồng Bàu Tây thôn Gia Hòa với diện tích 1,16ha.

- Khu chức năng hỗ trợ Phát triển kinh tế nông thôn tại Đồng Vườn Chuối thôn Gia Hòa với diện tích 3,23ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoàng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	602,24	100,00	602,24	100,00	602,24	100,00
1	Đất nông nghiệp	389,07	64,60	342,63	56,89	292,91	48,64
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	355,92	59,10	310,01	90,48	261,24	89,19
1.2	Đất lâm nghiệp		0,00		-		-
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	31,63	5,25	31,10	5,16	30,15	5,01
1.4	Đất làm muối		0,00	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,52	0,25	1,52	0,25	1,52	0,25
2	Đất xây dựng	212,99	35,37	259,43	43,08	309,15	51,33
2.1	Đất ở tại nông thôn	81,56	13,54	93,44	15,52	111,56	18,52
2.2	Đất công cộng	4,86	0,81	5,68	0,94	9,26	1,54
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,45	0,07	3,33	0,55	4,83	0,80
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2,72	0,45	3,20	0,53	4,42	0,73
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	24,83	4,12	24,83	4,12	24,83	4,12
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	10,87	1,80	13,68	2,27	15,71	2,61
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	71,64	11,90	98,97	16,44	112,24	18,65
2.8.1	Đất giao thông	65,61	10,89	92,34	15,33	104,41	17,34
2.8.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải		-	-	-	1,00	0,17
2.8.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	5,96	0,99	6,52	1,08	6,52	1,08
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,07	0,01	0,07	0,01	0,27	0,04
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	16,06	2,67	16,06	2,67	16,06	2,67
2.10	Đất quốc phòng, an ninh		-	0,24	0,04	10,24	1,70
3	Đất khác	0,18	0,03	0,18	0,03	0,18	0,03
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng		-	-	-	-	-
3.2	Đất chưa sử dụng	0,18	0,03	0,18	0,03	0,18	0,03

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

7.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.1.1. Hệ thống giao thông:

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- **Đường Quốc lộ 10:** Qua xã với chiều dài 2,80km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường: 9,0m x 2; Đường gom: 7,5m x 2. Hè đường: 5,0m x 2; Hành lang giao thông 4,0 x 1 và 3,0m x 2. Lộ giới 53,0m.

- Đường huyện:

+ Quy hoạch tuyến đường Thịnh – Đông với chiều dài qua địa bàn xã 1,13km, đạt tiêu chuẩn cấp đường đô thị. Lòng đường 10,5m x 2; Hè đường 4,0m x 2; Giải phân cách 5,0m. Lộ giới 34,0m.

+ Cải tạo nâng cấp tuyến ĐH-HH.16 và ĐH-HH.32: qua địa bàn xã, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường 9,0m; Hành lang giao thông 10,0m x 2. Lộ giới 29,0m.

+ Cải tạo nâng cấp tuyến ĐH-HH.26: qua địa bàn xã với chiều dài 0,26km, đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường 7,5m; Hành lang giao thông 10,0m x 2. Lộ giới 27,5m.

+ Cải tạo nâng cấp tuyến ĐH-HH.21: qua địa bàn xã với chiều dài 1,37km, đạt tiêu chuẩn đường đô thị. Lòng đường 7,5m x 2; Hè đường 5,0m x 2; Giải phân cách 3,0m x 1. Lộ giới 28,0m.

b). Hệ thống giao thông đối nội.

Hệ thống giao thông xã được quy hoạch trên cơ sở hệ thống các trục đường hiện có, chỉ cần nâng cấp, làm mới theo tiêu chuẩn đảm bảo giao thông giữa trung tâm xã với các điểm dân cư; gắn kết các công trình công cộng, thuận tiện, an toàn.

Quy hoạch mạng lưới giao thông xã là xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường hiện có. Hệ thống giao thông xã được quy hoạch dựa trên cơ sở hệ thống các trục đường hiện có, chỉ cần nâng cấp, làm mới theo tiêu chuẩn đảm bảo giao thông giữa trung tâm xã với các điểm dân cư khác; gắn kết các công trình công cộng, thuận tiện, an toàn. Quy hoạch mạng lưới giao thông xã là xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường hiện có. Đồng thời để bảo vệ tránh làm hư hỏng các tuyến đường trên địa bàn xã cần có biển cấm các loại xe có trọng tải quá lớn.

- Đường trục xã:

+ Nâng cấp, cải tạo 06 tuyến (ký hiệu ĐTX-HĐ.01 đến ĐTX-HĐ.06) với tổng chiều dài 8,51km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI . Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

- Tuyến đường trục thôn:

+ Nâng cấp, cải tạo 41 tuyến (ký hiệu ĐTT-HT.01 ÷ ĐTT-HT.16; ĐTT-HT.19 ÷ ĐTT-HT.28; ĐTT-HT.32 ÷ ĐTT-HT.45), đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Mặt đường 4,5m; Lề gia cố 1,0m x 2. Lộ giới 6,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến (ký hiệu ĐTT-HT.17, ĐTT-HT.18; ĐTT-HT.29) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp VI. Mặt đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 1. Lộ giới 12,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo 01 tuyến (ký hiệu ĐTT-HT.31) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp VI. Mặt đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m

- Tuyến đường ngõ xóm:

Nâng cấp, cải tạo 22 tuyến (ký hiệu ĐNX-HT.01 ÷ ĐNX-HT.22) với tổng chiều dài 3,14km, đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường 3,5m; Lề gia cố 0,75m x2; Lộ giới 5,0m.

7.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng; khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Tổng thể toàn xã được chia làm 02 tiểu vùng tiêu úng:

+ Tiểu vùng 1: Gồm diện tích thôn Hồng Nhuệ 1, thôn Hồng Nhuệ 2, thôn Gia Hòa thoát nước từ các mương trong khu dân cư đổ xuống kênh B5, từ kênh B5 thoát ra kênh Em Bé, kênh Đồng Đền, sau đó thoát ra sông Cung.

+ Tiểu vùng 2: Khu vực thôn Hải Phúc 1, Hải Phúc 2, thôn Hoàng Trì 1, Hoàng Trì 1, thoát ra kênh Đồng Chùa, đổ xuống kênh B5, thoát ra kênh Em Bé, kênh Đồng Đền, sau đó thoát ra sông Cung.

7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.

a. Nhu cầu cấp nước

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2025 là 1.234m³/ngày đêm. Đến năm 2030 là 1.521m³/ngày đêm.

b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.

- Nguồn nước sạch: nhà máy nước sạch Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đông do công ty VNwater Hoàng Hóa quản lý

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hoàng Hóa chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính $\geq D100$ mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 100-150m.

c. Cấp nước:

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sạch Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đồng do công ty VNwater Hoàng Hóa quản lý, được 80% tổng số hộ.

- Năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ nhà máy nước sạch Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đồng do công ty VNwater Hoàng Hóa quản lý được 100% tổng số hộ.

7.1.4. Hệ thống cấp điện

a. Nhu cầu điện

- Điện cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Điện dùng trong sinh hoạt; Điện dùng cho các công trình phục vụ công cộng; Điện dùng trong sản xuất

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 2.974KVA. Đến năm 2030 là 3.667 KVA.

b. Cấp điện

- Nguồn điện: Trạm 110KV Hoàng Hóa, thông qua đường dây trung áp 22KV và 35KV cấp cho xã.

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 25,2m

+ Đường dây trung thế 22KV và 35KV với chiều dài 6,8km

7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung tại khu vực Đồng Hón Quýt

thôn Hải Phúc 2 với diện tích 0,20ha.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b. Hệ thống rác thải, chất thải

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 8.785 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng: 13.541 kg/ngđ

- Quy hoạch điểm trung chuyển rác thải tại khu vực Đồng Hón Quýt thôn Hải Phúc 2 với diện tích 1,0ha.

* Rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt của xã Hoàng Thắng sẽ được thu gom về khu xử lý rác thải xã Hoàng Thái. Theo bảng tính toán trên, lượng rác thải đến năm 2025 là 8.785 kg/ngày đêm; đến năm 2030 là 13.541 kg/ngày đêm.

* Rác thải công nghiệp: Rác thải công nghiệp thường được thu gom vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung tại xã Hoàng Thái. Các loại rác thải từ công việc khai khoáng như đá, cát... được tận dụng làm vật liệu san lấp.

* Rác thải trong các cơ sở y tế và trung tâm khám chữa bệnh trên địa bàn huyện được thu gom và vận chuyển xử lý rác thải tại bệnh viện đa khoa Hậu Lộc theo Quyết định số: 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

c. Quy hoạch nghĩa trang

Đối với các nghĩa trang hiện có đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từng bước cải tạo, mở rộng diện tích, xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo các quy định hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang.

7.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất

a) Hệ thống giao thông nội đồng:

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường 3,0m ÷ 5,0m các tuyến trục chính đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 12 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HT.01 đến ĐNĐ-HT.12) với tổng chiều dài 12,91km. Mặt đường: 3,0m; Lề đường: 1,0m x2; Lộ giới: 5,0m.

b) Hệ thống thủy lợi:

- Kênh huyện quản lý: Thường xuyên nạo vét 2,41km đã được kiên cố hóa để đảm bảo khơi thông dòng chảy.

- Kênh xã quản lý: Tổng chiều dài kênh mương xã quản lý là 18,51km. Trong đó:

+ Cản nạo vét 11,32km đã được cứng hóa đảm bảo khơi thông dòng chảy.

+ Cứng hóa 7,18km để đảm bảo nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất ngành nông nghiệp.

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng mới các công trình di tích, công trình tín ngưỡng .
- Dự án mở rộng sân vận động xã.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy; quân sự; Chợ
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

8.2. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

8.3. Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Hoàng Thắng có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- Tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Thắng tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch UBND xã Hoàng Thắng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3 QĐ;
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải